

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-7-2019

V/v: “*Tranh chấp về ly hôn và yêu cầu nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Hật - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 225/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Danh B - sinh năm 1976 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị Hồng A - sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 6, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/9/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Danh B trình bày: Tôi và bà Đỗ Thị Hồng A không có tình cảm nhau trước mà do mai mối nên đến năm 1998 chúng tôi được cha mẹ hai tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, hôn nhân tự nguyện và không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn chúng tôi sống hạnh phúc đến năm 2014 năm thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ tôi nghe lời cha mẹ ruột, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vã và chúng tôi đã ly thân cách nay 04 năm. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng A.

Về con chung: Quá trình chung sống chúng tôi có 02 con chung tên Danh Thị Hồng L - sinh ngày 12/11/1998 và Danh Thị Yến L1 - sinh ngày 27/11/2004, hiện nay cháu Hồng Linh có gia đình còn cháu Yến L1 đang sống với vợ tôi nên tôi

đồng ý giao Danh Thị Yến L1 cho vợ tôi được tiếp tục, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi xác định vợ chồng không thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nguyện vọng: Về hôn nhân tôi xin được ly hôn với bà Đỗ Thị Hồng A.

Về con chung: Tôi xác định có 02 con chung tên Danh Thị Hồng L - sinh ngày 12/11/1998 và Danh Thị Yến L1 - sinh ngày 27/11/2004, hiện nay cháu Hồng L có gia đình còn cháu Yến L1 đang sống với vợ tôi nên tôi đồng ý giao Danh Thị Yến L1 cho vợ tôi được tiếp tục, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và tôi không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Như trình bày trên tôi không yêu cầu thêm gì.

Đối với bà Đỗ Thị Hồng A trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà A nhiều lần nhưng bà A vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang có ý kiến: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo tổng đạt đúng quy định nhưng vắng mặt tại phiên là không tuân thủ quy định của pháp luật. Tuy nhiên, cũng còn một số vi phạm như: Vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án khắc phục về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự cũng như tại phiên tòa hôm nay, đối chiếu với các quy định của pháp luật đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận cho ông Danh B và bà Đỗ Thị Hồng A là vợ chồng. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Danh B đồng ý giao cháu Yến L1 cho bà A được tiếp tục, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Hồng A là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà không có mặt tại phiên tòa, căn cứ vào Điều 227 của BLTTDS năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Danh B xác lập quan hệ hôn nhân với bà Đỗ Thị Hồng A vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện và không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Trong quá chung sống ông bà cũng không có đăng ký kết hôn, do ông bà không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân không hợp pháp. Tại thời điểm xét xử, Luật Hôn nhân và gia đình đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 có hiệu lực nên theo Điều 131

Luật sửa đổi, bổ sung thì HĐXX căn cứ vào Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ của ông Danh B và bà Đỗ Thị Hồng A là vợ chồng.

Đối với bà Đỗ Thị Hồng A, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nhà bà Đỗ Thị Hồng A tổng đạt các văn bản đúng theo qui định của pháp luật và thông báo cho bà Đỗ Thị Hồng A qua điện thoại yêu cầu bà đến Tòa án để làm các văn bản gửi cho Tòa án nhưng bà không đến để làm văn bản gửi cho Tòa án nên không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà Đỗ Thị Hồng A. Từ đó, cho thấy bà Đỗ Thị Hồng A đã biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Danh B. Do đó, HĐXX thống nhất xét xử vắng mặt bà theo qui định của pháp luật.

[3] Về con chung: Ông Danh B xác định ông và bà Đỗ Thị Hồng A có 02 người con chung tên Danh Thị Hồng L - sinh ngày 12/11/1998 và Danh Thị Yến L1 - sinh ngày 27/11/2004, hiện nay cháu Hồng Linh có gia đình ở riêng còn cháu Yến Linh đang sống với bà A nên ông Danh B đồng ý giao cháu Danh Thị Yến Linh cho bà A được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ông Danh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Danh B có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Danh B xác định vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung và cũng không có thiếu nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, HĐXX không xem xét.

[6] Tại phiên tòa sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có quan điểm không công nhận cho ông Danh B và bà Đỗ Thị Hồng A là vợ chồng, xét đề nghị của kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là: 300.000 đồng Danh B phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông B được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008684 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Danh B và bà Đỗ Thị Hồng A là vợ chồng.

2. Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Danh B là giao cháu Danh Thị Yến L1 - sinh ngày 27/11/2004 cho bà Đỗ Thị Hồng A được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Miễn xét.

Ông Danh B có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai có quyền cản trở ông thực hiện quyền này. Khi cần thiết, ông bà có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí HNST: Là 300.000 đồng ông Danh B phải nộp do ông có yêu cầu xin ly hôn nhưng ông B được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp trước đây là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008684 ngày 28/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Danh B biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 18/7/2019. Bà Đỗ Thị Hồng A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh;
- VKS huyện Gò Quao;
- Chi cục THA huyện Gò Quao;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Thanh